SAO Y
Người ký: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Email: bkhdt@mpi.gov.vn
Cơ quan: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Thời gian ký: 28.01.2022 17:04:12 +07:00

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 714 /BKHĐT-TCTK

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

V/v xin ý kiến dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia

HỎA TỐC
Đến trước ..... ngày .....

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê đã được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12/11/2021. Để triển khai thực hiện Luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị Quý Cơ quan cho ý kiến về dự thảo Quyết định nêu trên. Dự thảo Quyết định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ: https://www.gso.gov.vn trong mục "Văn bản", gồm:

(1) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ;

(2) Dự thảo Quyết định;

(3) Dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Ý kiến góp ý bằng văn bản của Quý Cơ quan xin gửi về Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội và theo địa chỉ thư điện tử: phongthietke@gso.gov.vn **trước ngày 28/02/2022**.

(Thông tin chi tiết liên hệ Anh Phạm Trọng Hoạt, ĐT: 024 7304 6666 (máy lẻ 1922); DĐ: 0915 001 484).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCTK.T5

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Duy Đông

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BKHĐT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/205 (Luật số 89) và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021 (Luật số 01) và Nghị định số ...../2022/NĐ-CP ngày ...../...../2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

1. Cơ sở pháp lý

- Khoản 1 Điều 28 Luật số 89 quy định: "Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định, được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin chủ yếu để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm tên cuộc điều tra, mục đích, đối tượng, đơn vị, loại điều tra, nội dung điều tra, thời kỳ, thời điểm điều tra và cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện".

- Luật số 01 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 12/11/2021 và Nghị định số ...../2022/NĐ-CP ngày ...../...../2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Theo khoản 5 Điều 17 của Luật số 89 quy định "Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là cơ sở để phân công, phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê và chương trình khác có liên quan đến hoạt động thống kê".

- Điểm a khoản 2 Điều 28 Luật số 89 quy định: "Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia".

2. Sự cần thiết

Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình điều tra số 43) được xây dựng trên cơ sở Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Luật số 89, bao gồm 186 chỉ tiêu thống kê, Chương trình điều tra số 43 về cơ bản đã đáp ứng thông tin đầu vào quan trọng cho Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Tuy nhiên, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 01, bao gồm 230 chỉ tiêu thống kê quốc gia. Để thu thập tổng hợp, biên soạn 230 chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèn theo Luật số 01, Chương trình điều tra số 43 đã bộc lộ một số hạn chế bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung như sau:

- Thứ nhất, Chương trình điều tra số 43 không đáp ứng đủ nhu cầu thông tin đầu vào của 230 chỉ tiêu thống kê thộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 01.

- Thứ hai, thông tin thu thập của một số cuộc điều tra thống kê không còn phù hợp, do sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, vai trò và sự tác động mạnh mẽ của lĩnh vực logistics, do đó chưa có thông tin phản ánh đầy đủ sự vận động của các hiện tượng kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, nhu cầu thông tin của Đảng, Chính phủ và của Nhà nước đòi hỏi ngày càng cao để đáp ứng mục tiêu quản lý, vận hành đất nước trong quá trình phát triển và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế nên cần thiết phải sửa đổi bổ sung, hoàn thiện nguồn thông tin đầu vào để đáp ứng nhu cầu thông tin của các cấp, các ngành; tên gọi và nội dung của một số cuộc điều tra cần thay đổi cho phù hợp với thay đổi về yêu cầu thông tin; một số cuộc điều tra thực tế trong những năm qua không tiến hành được vì nhiều nguyên nhân khác nhau,...

Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ biên soạn, tổng hợp chỉ tiêu thống kê theo Luật số 01, Chương trình điều tra thống kê quốc gia cần phải sửa đổi, bổ sung nội dung thông tin thu thập vào một số cuộc điều tra thống kê và bổ sung một số cuộc điều tra thống kê mới vào danh mục các cuộc điều tra thống kê quốc gia, đây là các cuộc điều tra thống kê nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê trong thời kỳ mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

1. Mục đích

Chương trình điều tra thống kê quốc gia nhằm thu thập thông tin phục vụ biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia của các chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đây là căn cứ để các Bộ, ngành chủ động xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra, xây dựng phương án điều tra, kế hoạch thực hiện, dự toán kinh phí, quyết định các cuộc điều tra thống kê.

2. Quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc xây dựng

Việc sửa đổi Chương trình điều tra thống kê quốc gia được xây dựng dựa trên các quan điểm và nguyên tắc sau:

- Bảo đảm tính phù hợp: Chương trình điều tra thống kê quốc gia đáp ứng nhu cầu thông tin của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được quy định trong Luật số 01 và Nghị định số ...../2022/NĐ-CP ngày ...../...../2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Chương trình điều tra thống kê quốc gia xây dựng trên cơ sở nhu cầu thông tin qua điều tra thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và các Bộ, ngành có nội dung đáp ứng yêu cầu thông tin của Nhà nước thể hiện trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Bảo đảm tính khả thi: Các cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia thực hiện được trong thực tế, phù hợp với trình độ hạch toán, ghi chép, kê khai, cung cấp của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (hộ dân cư), giảm gánh nặng cho người cung cấp thông tin, tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả của hoạt động thống kê.

- Bảo đảm tính không trùng lặp: Tránh sự trùng lặp, chồng chéo giữa các hình thức thu thập thông tin qua chế độ báo cáo thống kê và thu thập qua sử dụng dữ liệu hành chính. Đồng thời không trùng lặp giữa cuộc điều tra thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện và các cuộc điều tra do Bộ, ngành thực hiện.

- Bảo đảm tính kế thừa: Các cuộc điều tra thống kê thu thập thông tin để biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 01 và Nghị định số ...../2022/NĐ-CP ngày ...../...../2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia sẽ được kế thừa và cải tiến để phù hợp với thực tiễn.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO VÀ NỘI DUNG SỬA ĐỔI

1. Quá trình sửa đổi

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiến hành nghiên cứu, xây dựng Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Rà soát các quy định pháp luật hiện hành.

- Tổng kết tình hình thi hành Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Thành lập Tổ biên tập xây dựng Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Rà soát đối chiếu nội dung thông tin thu thập qua điều tra để đáp ứng nhu cầu thông tin đầu vào của chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia mới ban hành kèm theo Luật số 01.

- Nghiên cứu, đề xuất các cuộc điều tra thống kê phù hợp với khả năng thu thập thông tin.

- Dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê.

- Tổ chức hội thảo xin ý kiến hoàn chỉnh Chương trình điều tra thống kê quốc gia với sự tham gia của chuyên gia, các Bộ, ngành và đơn vị có liên quan.

- Ngày ...../...../2022 Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) có Công văn gửi đến các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý để chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Ngày ...../...../2022 Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) gửi hồ sơ dự thảo xin ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp.

- Ngày ...../...../2022 dự thảo Quyết định đã được Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định, chỉnh lý hồ sơ dự thảo và hoàn thiện hồ sơ kính trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Nội dung sửa đổi

a) Nhóm các cuộc điều tra thống kê sửa đổi tên cuộc điều tra, thời kỳ, thời điểm và cơ quan chủ trì thực hiện điều tra

- Sửa đổi tên cuộc điều tra, cụ thể như sau:

+ Cuộc "Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể": Sửa thành "Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm".

+ Cuộc "Điều tra doanh nghiệp": Sửa thành "Điều tra doanh nghiệp hàng năm".

+ Cuộc "Điều tra cơ sở hành chính": Sửa thành "Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp".

- Sửa đổi thời kỳ, thời điểm điều tra nhằm thu thập thông tin đáp ứng yêu cầu thực tiễn, cụ thể như sau:

+ Cuộc "Tổng điều tra dân số và nhà ở"; "Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ" và "Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình": Sửa thời điểm tiến hành điều tra từ "ngày 01 tháng 4" thành "ngày 01 tháng 7".

+ Cuộc "Tổng điều tra kinh tế": Sửa thời kỳ, thời điểm điều tra của cuộc điều tra này như sau: "Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 3 và 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6)" thành "Chu kỳ điều tra 5 năm, ngày 01 tháng 4 năm có số tận cùng là số 1 và số 6 để thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là doanh nghiệp/hợp tác xã, hiệp hội và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; ngày 01 tháng 10 năm có số tận cùng là số 0 và số 5 để thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là hộ sản xuất kinh doanh cá thể để bảo đảm đồng bộ và thống nhất cơ sở dữ liệu thống kê".

+ Cuộc "Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian": Sửa thời kỳ, thời điểm của cuộc điều tra này như sau: Chu kỳ 5 năm (năm có số tận cùng là số 1 và số 6 để thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là Bộ, ngành, các doanh nghiệp/hợp tác xã, cơ sở sự nghiệp, hiệp hội và năm có số tận cùng là số 0 và 5 để thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, hộ tiêu dùng cuối cùng và các tổ chức vô vị lợi (tổ chức từ thiện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng) cho phù hợp với các năm quy định làm năm gốc (thông thường các năm có số tận cùng là số 0 và số 5).

+ Cuộc "Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi": Sửa thời kỳ, thời điểm của cuộc điều tra "Chu kỳ 2 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là

0, 2, 4, 6, 8)" thành " Chu kỳ 5 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 3 và số 8)", lý do: cuộc điều tra này chỉ nên tiến hành với chu kỳ 5 năm (giữa các năm của Tổng điều tra kinh tế) do thông tin thu thập từ các đơn vị của cuộc điều tra này không có sự biến đổi nhiều, vì vậy năm tiến hành "Tổng điều tra kinh tế" sử dụng kết quả tổng hợp biên soạn chỉ tiêu giá trị sản xuất thu thập từ các đơn vị điều tra này và giữa hai lần Tổng điều tra kinh tế mới tổ chức cuộc điều tra này để tính toán, tổng hợp suy rộng giá trị sản xuất cho các năm không tổ chức thu thập thông tin.

+ Cuộc "Điều tra người khuyết tật": Sửa thời kỳ, thời điểm của cuộc điều tra "Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 10 (các năm có số tận cùng là 5)" thành " Chu kỳ 5 năm (các năm có số tận cùng là số 4, 9)" để thu thập thông tin về người khuyết tật, vì: đây là cuộc điều tra chọn mẫu để thu thập thông tin về người khuyết tật và dựa vào kết quả từ cuộc "Tổng điều tra dân số và nhà ở" và cuộc "Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ" để tiến hành chọn mẫu, do 2 cuộc điều tra này có thu thập thông tin về người khuyết tật.

+ Cuộc "Điều tra cơ sở và nhân lực ngành y tế ngoài công lập": Sửa "Chu kỳ 5 năm" thành "Chu kỳ hàng năm", lý do: các chỉ tiêu thống kê thu thập từ cuộc điều tra thống kê này có kỳ công bố hàng năm.

- Thay đổi cơ quan chủ trì thực hiện cuộc điều tra thống kê sau:

+ Điều tra giá xây dựng: Thay đổi cơ quan chủ trì thực hiện từ "Bộ Xây dựng" thành "Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)", lý do: chỉ tiêu thống kê "Chỉ số giá xây dựng" theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của và Nghị định số ...../2022/NĐ-CP ngày ...../...../2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia Tổng cục Thống kê là Cơ quan chủ trì thu thập, tổng hợp.

b) Nhóm các cuộc điều tra thống kê đề xuất lồng ghép, sắp xếp quy hoạch lại

Tiêu chí để sắp xếp, quy hoạch lại các cuộc điều tra thống kê:

- Những nội dung cùng được thu thập ở một đơn vị điều tra được sắp xếp chung vào một cuộc điều tra.

- Những chỉ tiêu cùng chu kỳ thu thập được xếp chung vào một cuộc điều tra.

- Những chỉ tiêu có chung lĩnh vực hoặc cùng ngành kinh tế được xếp chung vào một cuộc điều tra.

- Những chỉ tiêu điều tra có chung một mục đích cụ thể được xếp chung vào một cuộc điều tra.

Mục đích sắp xếp, quy hoạch lại các cuộc điều tra thống kê:

- Giảm bớt được số lượng các cuộc điều tra thống kê, giảm gánh nặng cho các đơn vị điều tra trong việc cung cấp thông tin.

- Giảm bớt được sự trùng lặp về nội dung thu thập giữa các cuộc điều tra thống kê.

- Giảm bớt gánh nặng cho các Cục thống kê trong việc tổ chức thực hiện.

- Tiết kiệm nguồn nhân lực trong việc tổ chức thực hiện.

- Nâng cao chất lượng số liệu thống kê.

Đề xuất sắp xếp, quy hoạch lại một số cuộc điều tra thống kê, cụ thể như sau:

- Điều tra doanh nghiệp hàng tháng được sắp xếp quy hoạch từ các cuộc điều tra sau: Điều tra ngành công nghiệp; Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa; Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác; Điều tra hoạt động vận tải kho bãi; Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ (chu kỳ hàng quý); Điều tra vốn đầu tư thực hiện (chu kỳ hàng quý); Điều tra hoạt động xây dựng (chu kỳ hàng quý) đối với các đơn vị điều tra là doanh nghiệp.

- Điều tra doanh nghiệp hàng năm được sắp xếp quy hoạch từ các cuộc điều tra sau: Điều tra doanh nghiệp; Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ (chu kỳ hàng năm); Điều tra vốn đầu tư thực hiện (chu kỳ hàng năm); Điều tra hoạt động xây dựng (chu kỳ hàng năm) đối với các đơn vị điều tra là doanh nghiệp.

- Điều tra cơ sơ sản xuất kinh doanh cá thể tháng được sắp xếp quy hoạch từ các cuộc điều tra sau: Điều tra ngành công nghiệp; Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa; Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác; Điều tra hoạt động vận tải kho bãi đối với các đơn vị điều tra là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

- Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ (chu kỳ 5 năm) được sắp xếp, quy hoạch vào cuộc Tổng điều tra kinh tế.

c) Các cuộc điều tra thống kê loại bỏ ra khỏi chương trình điều tra thống kê quốc gia

Loại bỏ một số cuộc điều tra thống kê trong chương trình điều tra thống kê quốc gia do không thể tổ chức thực hiện, bao gồm: Cuộc "Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật" do Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện, vì

thông tin thu thập phục vụ biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1806 - Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung, thu thập từ chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu hành chính; Cuộc "Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe" do Bộ Y tế là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện, thông tin thu thập phục vụ biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1606 - Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin, thu thập từ chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu hành chính.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

1. Bố cục của dự thảo Quyết định

Quyết định gồm 03 Điều và Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành kèm theo Quyết định.

2. Nội dung cơ bản Chương trình điều tra thống kê quốc gia

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 9 nội dung: Số thứ tự; tên cuộc điều tra; mục đích điều tra; đối tượng, đơn vị điều tra; loại điều tra; nội dung điều tra; thời kỳ, thời điểm điều tra; cơ quan chủ trì; cơ quan phối hợp.

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 45 cuộc điều tra, trong đó đó có 03 cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia (Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; Tổng điều tra kinh tế) và 42 cuộc điều tra ở các lĩnh vực khác nhau, cụ thể:

+ Nhóm 01. Điều tra thống kê về lĩnh vực dân số, lao động việc làm và mức sống dân cư, gồm 4 cuộc điều tra: Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ; Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình; Điều tra lao động và việc làm; Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam.

+ Nhóm 02. Điều tra thống kê về lĩnh vực đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, gồm 9 cuộc điều tra: Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ; Điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp; Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm; Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm; Điều tra chăn nuôi; Điều tra lâm nghiệp; Điều tra kiểm kê rừng; Điều tra thủy sản.

+ Nhóm 03. Điều tra thống kê về cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, gồm 6 cuộc điều tra: Điều tra doanh nghiệp hàng tháng; Điều tra doanh nghiệp hàng năm; Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng tháng; Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm; Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp; Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp.

+ Nhóm 04. Điều tra thống kê về giá, gồm 8 cuộc điều tra: Điều tra giá tiêu dùng (CPI); Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất; Điều tra giá sản xuất hàng hóa; Điều tra giá sản xuất dịch vụ; Điều tra giá xây dựng; Điều tra giá bất động sản; Điều tra giá tiền lương; Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Nhóm 05. Điều tra thống kê về vốn đầu tư, xây dựng và tài khoản quốc gia, gồm 4 cuộc điều tra: Điều tra vốn đầu tư thực hiện; Điều tra hoạt động xây dựng; Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian; Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi.

+ Nhóm 06. Điều tra thống kê về lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông, gồm 5 cuộc điều tra: Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ; Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông; Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông; Điều tra thống kê thương mại điện tử.

+ Nhóm 07. Điều tra thống kê về lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch và xã hội, gồm 6 cuộc điều tra: Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập; Điều tra dinh dưỡng; Điều tra cơ sở giáo dục ngoài công lập; Điều tra hộ gia đình thu thập thông tin về du lịch; Điều tra chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam; Điều tra người khuyết tật.

3. So sánh dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia với Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg

Dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia có một số thay đổi như sau:

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia sửa đổi so với Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016, cụ thể như sau:

+ Số nhóm cuộc điều tra thống kê giảm 02 nhóm (09 nhóm còn 07 nhóm)

+ Số cuộc điều tra thống kê giảm 05 cuộc.

+ Số cuộc điều tra thống kê được giữ nguyên 31 cuộc.

+ Số cuộc điều tra thống kê được sửa đổi 13 cuộc.

+ Số cuộc điều tra thống kê được lồng ghép, sắp xếp quy hoạch lại 04 cuộc.

+ Số cuộc điều tra thống kê được loại bỏ 02 cuộc.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II và III kèm theo)

V. VẤN ĐỀ CÒN Ý KIẾN KHÁC

Trong quá trình soạn thảo, lấy ý kiến về dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia, các Bộ, ngành về cơ bản nhất trí với dự thảo. Tuy nhiên, cũng còn có ý kiến khác nhau, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ như sau:

Một là, ……..

Hai là, ……...

-…..

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia, kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Quyết định; (2) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý; (3) Dự thảo Quyết định; (4) Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

***Nơi nhận**:*
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCTK.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC I

CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ SỬA ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 43/2016/QĐ-TTg

Bộ, ngành chủ trì	TT	Theo QĐ số 43		Đề nghị thay đổi so với QĐ số 43					Ghi chú sửa đổi
		Mã số	Tên cuộc điều tra	Giữ nguyên	Sửa đổi	Lồng ghép	Loại bỏ	Bổ sung	
Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	1	01	Tổng điều tra dân số và nhà ở		×				Sửa đổi thời điểm tiến hành điều tra từ "ngày 01 tháng 4" thành "ngày 01 tháng 7"
	2	05	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ		×				
	3	06	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình		×				
	4	07	Điều tra lao động và việc làm	×					
	5	02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	×					
	6	10	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	×					
	7	11	Điều tra diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp	×					
	8	12	Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm	×					
	9	13	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm	×					
	10	14	Điều tra chăn nuôi	×					
	11	15	Điều tra lâm nghiệp	×					
	12	17	Điều tra thủy sản	×					

Bộ, ngành chủ trì	TT	Theo QĐ số 43		Đề nghị thay đổi so với QĐ số 43					Ghi chú sửa đổi
		Mã số	Tên cuộc điều tra	Giữ nguyên	Sửa đổi	Lồng ghép	Loại bỏ	Bổ sung	
Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	13	03	Tổng điều tra kinh tế		×				Sửa đổi thời điểm, thời kỳ điều tra như sau: "Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 3 và 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6)" thành "Chu kỳ điều tra 5 năm, ngày 01 tháng 4 năm có số tận cùng là số 1 và số 6 để thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là doanh nghiệp/hợp tác xã, hiệp hội và và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; ngày 01 tháng 10 năm có số tận cùng là số 0 và số 5 để thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là hộ sản xuất kinh doanh cá thể để bảo đảm đồng bộ và thống nhất cơ sở dữ liệu thống kê"; (lưu ý: không thu thập đơn vị sự nghiệp)
	14	22	Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ			x			Lồng ghép thông tin thu thập từ "Điều tra doanh nghiệp hàng tháng" và "Tổng điều tra kinh tế" lý do: chỉ tiêu thống kê phục vụ chu kỳ hàng quý và chu kỳ 5 năm
	15	23	Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa			x			Lồng ghép "Điều tra doanh nghiệp hàng tháng" và "Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng tháng"
	16	24	Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác			x			Lồng ghép "Điều tra doanh nghiệp hàng tháng" và "Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng tháng"
	17	25	Điều tra hộ gia đình thu thập thông tin về du lịch	x					

Bộ, ngành chủ trì	TT	Theo QĐ số 43		Đề nghị thay đổi so với QĐ số 43					Ghi chú sửa đổi
		Mã số	Tên cuộc điều tra	Giữ nguyên	Sửa đổi	Lồng ghép	Loại bỏ	Bổ sung	
Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	18	27	Điều tra chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	×					
	19	28	Điều tra hoạt động vận tải, kho bãi			x			Lồng ghép thành "Điều tra doanh nghiệp hàng tháng" và "Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể tháng"
	20	32	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể		×				Sửa đổi tên cuộc điều tra thành "Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm"
	21	34	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	×					
	22	35	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	×					
	23	36	Điều tra giá sản xuất hàng hóa	×					
	24	37	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	×					
	25	39	Điều tra giá bất động sản	×					
	26	40	Điều tra giá tiền lương	×					
	27	41	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu	×					

Bộ, ngành chủ trì	TT	Theo QĐ số 43		Đề nghị thay đổi so với QĐ số 43					Ghi chú sửa đổi
		Mã số	Tên cuộc điều tra	Giữ nguyên	Sửa đổi	Lồng ghép	Loại bỏ	Bổ sung	
Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	28	08	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian		×				Đề nghị sửa thời kỳ, thời điểm của cuộc điều tra này như sau: Chu kỳ 5 năm (năm có số tận cùng là số 1 và số 6 để thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là Bộ, ngành, các doanh nghiệp/hợp tác xã, cơ sở sự nghiệp, hiệp hội và năm có số tận cùng là số 0 và 5 để thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, hộ tiêu dùng cuối cùng và các tổ chức vô vị lợi (tổ chức từ thiện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng) cho phù hợp với các năm quy định làm năm gốc (thông thường các năm có số tận cùng là số 0 và số 5)
	29	09	Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi		x				Đề nghị sửa thời kỳ, thời điểm của cuộc điều tra "Chu kỳ 2 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8)" thành " Chu kỳ 5 năm (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 3 và số 8)"
	30	48	Điều tra người khuyết tật		x				Đề nghị sửa thời kỳ, thời điểmcủa cuộc điều tra "Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 10 (các năm có số tận cùng là 5)" thành " Chu kỳ 5 năm (các năm có số tận cùng là số 4, 9)"
	31	50	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam	×					
	32	20	Điều tra vốn đầu tư thực hiện	×					Chuyển đơn vị điều tra là doanh nghiệp" về "Điều tra doanh nghiệp hàng tháng" và "Điều tra doanh nghiệp hàng năm"

Bộ, ngành chủ trì	TT	Theo QĐ số 43		Đề nghị thay đổi so với QĐ số 43					Ghi chú sửa đổi
		Mã số	Tên cuộc điều tra	Giữ nguyên	Sửa đổi	Lồng ghép	Loại bỏ	Bổ sung	
Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	33	21	Điều tra hoạt động xây dựng	×					Chuyển đơn vị điều tra là doanh nghiệp về "Điều tra doanh nghiệp hàng tháng" và "Điều tra doanh nghiệp hàng năm"
	34	30	Điều tra doanh nghiệp		×				Sửa đổi tên cuộc điều tra thành "Điều tra doanh nghiệp hàng năm"
	35	18	Điều tra ngành công nghiệp		×				Lồng ghép "Điều tra doanh nghiệp hàng tháng" và "Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể tháng"
Bộ Tài nguyên và Môi trường	36	04	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	×					
Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	37	16	Điều tra kiểm kê rừng	×					
Bộ Công Thương	38	19	Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp	×					
Bộ Công Thương	39	29	Điều tra thống kê thương mại điện tử	×					
Bộ Thông tin và Truyền thông	40	26	Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông	×					
Bộ Thông tin và Truyền thông	41	30	Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông	×					

Bộ, ngành chủ trì	TT	Theo QĐ số 43		Đề nghị thay đổi so với QĐ số 43					Ghi chú sửa đổi
		Mã số	Tên cuộc điều tra	Giữ nguyên	Sửa đổi	Lồng ghép	Loại bỏ	Bổ sung	
Bộ Nội vụ	42	33	Điều tra cơ sở hành chính		×				Sửa đổi tên cuộc điều tra thành "Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp"
Bộ Xây dựng	43	38	Điều tra giá xây dựng		×				Thay đổi cơ quan chủ trì thực hiện cuộc điều tra (Bộ Xây dựng thành Tổng cục Thống kê)
	44	44	Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị				×		Chỉ tiêu thu thập từ cuộc điều tra này có thể khai thác từ cơ sở dữ liệu hành chính, Chế độ báo cáo thống kê
Bộ Khoa học và Công nghệ	45	42	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	×					
	46	43	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	×					
Bộ Y tế	47	45	Điều tra cơ sở và nhân lực ngành y tế ngoài công lập		×				Thay đổi chu kỳ "5 năm" thành "hàng năm", lý do: các chỉ tiêu thống kê theo kỳ công bố hàng năm
Bộ Y tế	48	46	Điều tra dinh dưỡng	×					
	49	47	Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe				×		Đề xuất khai thác từ dữ liệu hành chính của Bộ Y tế, lý do: Cuộc điều tra thống kê này thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1606 - Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin
Bộ Giáo dục và Đào tạo	50	49	Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập	×					
Tổng số	**50**			**31**	**13**	**4**	**2**		

PHỤ LỤC II

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

TT	Dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia		Bộ, ngành chủ trì	Thông tin thu thập	
	Mã số	Tên cuộc điều tra		Chỉ tiêu thống kê cũ	Chỉ tiêu thống kê mới bổ sung
I	**Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia**			Giữ nguyên so với 43	
1	01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0102; 0103; 0104; 0105; 0106; 0107; 0108; 0109; 0111; 0113; 1603; 1604; 1605; 0406; 0407 và 1905	
2	02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp		0303	0814
3	03	Tổng điều tra kinh tế		0301; 0304; 0305; 0306; 0401; 0402; 0403; 0404; 0405; 0501; 0502; 0512; 0801; 0802; 0805; 0809; 0902; 0903; 0904; 0908; 1001; 1002; 1003; 1004; 1009; 1201; 1202; 1203; 1311; 1405; 1703	0515; 0516; 0517; 1312; 1321
II	**Các cuộc điều tra thống kê**				
01	**Điều tra thống kê về lĩnh vực dân số, lao động việc làm và mức sống dân cư**			Sửa đổi so với 43	
4	04	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0102; 0103; 0104; 0105; 0106; 0107; 0108; 0109; 0111; 0113; 1604; 1605; 0406; 0407 và 1905	

TT	Dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia		Bộ, ngành chủ trì	Thông tin thu thập	
	Mã số	Tên cuộc điều tra		Chỉ tiêu thống kê cũ	Chỉ tiêu thống kê mới bổ sung
5	05	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0102; 0103; 0104; 0105; 0106; 0107; 0108; 0109; 0111; 0113; 1604 và 1605	
6	06	Điều tra lao động và việc làm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0201; 0202; 0203; 0204; 0205; 0208 và 0209	0206; 0207
7	07	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam		1305; 1306; 1308; 1802; 1805; 1808 và 1809	0707; 0813; 1313; 1317; 1320; 1803; 1804; và 1810
02	**Điều tra thống kê về lĩnh vực đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**			Sửa đổi so với 43	
8	08	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0101	
9	09	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0303	0814
10	10	Điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp		0801; 0802	
11	11	Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm		0803; 0804	
12	12	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm		0803; 0804	
13	13	Điều tra chăn nuôi		0805; 0806	
14	14	Điều tra lâm nghiệp		0807; 0808	
15	15	Điều tra kiểm kê rừng	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	2101; 2102	
16	16	Điều tra thủy sản	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0809; 0810 và 0811	

TT	Dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia		Bộ, ngành chủ trì	Thông tin thu thập	
	Mã số	Tên cuộc điều tra		Chỉ tiêu thống kê cũ	Chỉ tiêu thống kê mới bổ sung
03	**Điều tra thống kê về cơ sở kinh tế, cơ sở hành chính**			Sửa đổi so với 43	
17	17	Điều tra doanh nghiệp hàng tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0901; 0902; 0905; 0906; 1001; 1002; 1009; 1703; 1201; 1202; 1203; 0401; 0402; 0501; 0502; 1003; 1004; 1311	
18	18	Điều tra doanh nghiệp hàng năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0304; 0305; 0306; 0401; 0402; 0403; 0404; 0405; 0501; 0502; 0512; 0801; 0802; 0805; 0809; 0902; 0903; 0904; 0908; 1001; 1002; 1003; 1004; 1009; 1311; 1201; 1202; 1203; 1405; 1703	0515; 0516; 0517; 1312; 1321
19	19	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng tháng		0501; 0502; 0901; 0902; 0905; 0906; 1001; 1002; 1003; 1004; 1201; 1202; 1203; 1311; 1703	
20	20	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm		0501; 0502; 0512; 0902; 0903; 0904; 1001; 1002; 1003; 1004; 1201; 1202; 1203; 1311; 1703	0515; 0516; 0517; 1312; 1321
21	21	Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp	Bộ Nội vụ	0302	

TT	Dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia		Bộ, ngành chủ trì	Thông tin thu thập	
	Mã số	Tên cuộc điều tra		Chỉ tiêu thống kê cũ	Chỉ tiêu thống kê mới bổ sung
22	22	Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp	Bộ Công Thương	0907	
04	**Điều tra thống kê về giá**			Sửa đổi so với 43	
23	23	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	1101; 1102; 1103 và 1105	
24	24	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất		1104	
25	25	Điều tra giá sản xuất hàng hóa		1105	
26	26	Điều tra giá sản xuất dịch vụ		1105	
27	27	Điều tra giá xây dựng		1105	
28	28	Điều tra giá bất động sản		1106	
29	29	Điều tra giá tiền lương		1107	
30	30	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu		1108; 1109	
05	**Điều tra thống kê về vốn đầu tư, xây dựng và tài khoản quốc gia**			Sửa đổi so với 43	
31	31	Điều tra vốn đầu tư thực hiện	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	0401; 0402; 0403 và 0404	
32	32	Điều tra hoạt động xây dựng		0404; 0405; 0501; 0502	
33	33	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian		0501, 0502; 0505 và 0506	
34	34	Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi		0501; 0502	

TT	Dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia		Bộ, ngành chủ trì	Thông tin thu thập	
	Mã số	Tên cuộc điều tra		Chỉ tiêu thống kê cũ	Chỉ tiêu thống kê mới bổ sung
06	**Điều tra thống kê về lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông**			Sửa đổi so với 43	
35	35	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	1401; 1402	
36	36	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		1403; 1404 và 1406	
37	37	Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	1301; 1302; 1303; 1304; 1307; 1310; 1316	
38	38	Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông		1307; 1316	1314; 1318; 1319
39	39	Điều tra thống kê thương mại điện tử	Bộ Công Thương	1309	
07	**Điều tra thống kê về lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch và xã hội**			Sửa đổi so với 43	
40	40	Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập	Bộ Y tế	1601	1602; 1610
41	41	Điều tra dinh dưỡng		1607	
42	42	Điều tra cơ sở giáo dục ngoài công lập	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1501; 1502 và 1503	1504; 1505
43	43	Điều tra hộ gia đình thu thập thông tin về du lịch	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	1009; 1709	
44	44	Điều tra chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam		1009; 1708	1707
45	45	Điều tra người khuyết tật		0110	
Tổng số	**45**				

PHỤ LỤC III

SO SÁNH DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA SO VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 43/2016/QĐ-TTg

TT	Theo Quyết định số 43		Bộ, ngành chủ trì	Mã số theo 43	Dự thảo Chương trình điều tra thống kê theo Luật TK sửa đổi		Bộ, ngành chủ trì
	Mã số	Tên cuộc điều tra			Mã số	Tên cuộc điều tra	
I	**Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia**			**I**	**I**	**Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia**	
1	01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	01	01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
2	02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp		02	02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	
3	03	Tổng điều tra kinh tế		03; 22	03	Tổng điều tra kinh tế	
II	**Các cuộc điều tra thống kê**				**II**	**Các cuộc điều tra thống kê**	
01	**Điều tra đất đai, dân số, lao động, việc làm**				**01**	**Điều tra thống kê về lĩnh vực dân số, lao động việc làm và mức sống dân cư**	
4	04	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường	05	04	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
5	05	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	06	05	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình	
6	06	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình		07	06	Điều tra lao động và việc làm	
7	07	Điều tra lao động và việc làm		50	07	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam	
02	**Điều tra về tài khoản quốc gia, tài chính tiền tệ**				**02**	**Điều tra thống kê về lĩnh vực đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**	
8	08	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	04	08	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường

9	09	Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	10	09	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
03	**Điều tra về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản**			11	10	Điều tra diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp	
10	10	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	12	11	Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm	
11	11	Điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp		13	12	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm	
12	12	Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm		14	13	Điều tra chăn nuôi	
13	13	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm		15	14	Điều tra lâm nghiệp	
14	14	Điều tra chăn nuôi		16	15	Điều tra kiểm kê rừng	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
15	15	Điều tra lâm nghiệp		17	16	Điều tra thủy sản	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
				03	**Điều tra thống kê về cơ sở kinh tế, cơ sở hành chính**		
16	16	Điều tra kiểm kê rừng	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	18; 21; 23; 24; 28	17	Điều tra doanh nghiệp hàng tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
17	17	Điều tra thủy sản	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	31	18	Điều tra doanh nghiệp hàng năm	

04	**Điều tra về công nghiệp, vốn đầu tư, xây dựng**			18; 23; 24; 28	19	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng tháng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
18	18	Điều tra ngành công nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	32	20	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm	
19	19	Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp	Bộ Công Thương	33	21	Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp	Bộ Nội vụ
20	20	Điều tra vốn đầu tư thực hiện		19	22	Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp	Bộ Công Thương
21	21	Điều tra hoạt động xây dựng		**04**	**Điều tra thống kê về giá**		
05	**Điều tra về thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin**			34	23	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
22	22	Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	35	24	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	
23	23	Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa		36	25	Điều tra giá sản xuất hàng hóa	
24	24	Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác		37	26	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	
25	25	Điều tra hộ gia đình thu thập thông tin về du lịch		38	27	Điều tra giá xây dựng	
26	26	Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	39	28	Điều tra giá bất động sản	
27	27	Điều tra chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	40	29	Điều tra giá tiền lương	
28	28	Điều tra hoạt động vận tải, kho bãi		41	30	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu	

29	29	Điều tra thống kê thương mại điện tử	Bộ Công Thương
30	30	Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông
06	**Điều tra về cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp**		
31	31	Điều tra doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
32	32	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể	
33	33	Điều tra cơ sở hành chính	Bộ Nội vụ
07	**Điều tra về giá**		
34	34	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
35	35	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	
36	36	Điều tra giá sản xuất hàng hóa	
37	37	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	
38	38	Điều tra giá xây dựng	Bộ Xây dựng

05	**Điều tra thống kê về vốn đầu tư, xây dựng và tài khoản quốc gia**		
20	31	Điều tra vốn đầu tư thực hiện	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
21	32	Điều tra hoạt động xây dựng	
08	33	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	
09	34	Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi	
06	**Điều tra thống kê về lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông**		
42	35	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
43	36	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	
26	37	Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông
30	38	Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông	
29	39	Điều tra thống kê thương mại điện tử	Bộ Công Thương
07	**Điều tra thống kê về lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch và xã hội**		

39	39	Điều tra giá bất động sản	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	45	40	Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập	Bộ Y tế
40	40	Điều tra giá tiền lương		46	41	Điều tra dinh dưỡng	
41	41	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu		49	42	Điều tra cơ sở giáo dục ngoài công lập	Bộ Giáo dục và Đào tạo
08	**Điều tra về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường**			25	43	Điều tra hộ gia đình thu thập thông tin về du lịch	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
42	42	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	27	44	Điều tra chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	
43	43	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		48	45	Điều tra người khuyết tật	
44	44	Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị	Bộ Xây dựng				
09	**Điều tra về y tế giáo dục, văn hóa, trật tự an toàn xã hội, mức sống dân cư**						
45	45	Điều tra cơ sở và nhân lực ngành y tế ngoài công lập	Bộ Y tế				
46	46	Điều tra dinh dưỡng					
47	47	Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe					
48	48	Điều tra người khuyết tật	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)				
49	49	Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập	Bộ Giáo dục và Đào tạo				

50	50	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)				

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2022/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số ...../2022/NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ..... năm 2022, thay thế Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCTK (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2022/QĐ-TTg ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia								
01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Thu thập số liệu về dân số, lao động xã hội và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quy mô, cơ cấu phân bố và tỷ lệ tăng dân số, nguồn lao động và nhà ở của dân cư.	1. Đối tượng điều tra: Tất cả công dân Việt Nam cư trú thường xuyên trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam hoặc đang tạm trú ở nước ngoài. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra toàn bộ: - Dân số chia theo giới tính, tuổi, dân tộc, tôn giáo, tình trạng đi học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107. - Số lượng và chất lượng nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407. 2. Điều tra chọn mẫu: - Ngoài các chỉ tiêu điều tra toàn bộ, tiến hành điều tra các nhóm chỉ tiêu sau: - Dân số chia theo ngành nghề đào tạo, di cư, tình trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân, tình trạng việc làm của dân số;	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0108, 0111. - Tình hình sinh chết của dân số, tình trạng nhà ở và các điều kiện sinh hoạt của hộ có nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106, 0109, 0113. - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1604. - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1605. - Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1603. - Dân số bị bạo lực; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia 1905.			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp diêm nghiệp và thủy sản phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô và cơ cấu lao động nông thôn, nông nghiệp; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất nông nghiệp; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	1. Đối tượng điều tra: Lao động tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản và các điều kiện sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (đất đai, diện tích, vật nuôi, máy móc thiết bị, ... phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản), hệ thống hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn; 2. Đơn vị điều tra: Các hộ tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; trang	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	Tùy thuộc vào kế hoạch chương trình, các chỉ tiêu trong điều tra có thể thay đổi, bổ sung nhưng tập trung vào các nhóm sau: - Thực trạng nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; năng lực sản xuất; tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, liên kết sản xuất nông lâm thủy sản; tác động của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tới môi trường; thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			trại; Doanh nghiệp, hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản; các ủy ban nhân dân xã.		nữ; kết quả hoạt động tự sản, tự tiêu của các hộ gia đình,... trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; - Thực trạng nông thôn: thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; các hình thức hỗ trợ kinh tế nông thôn (hệ thống khuyến nông, lâm, ngư; tiếp cận thị trường;...); vệ sinh môi trường nông thôn; - Thông tin về cư dân nông thôn: khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tình hình sử dụng điện, nước sạch cư dân nông thôn; khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu;.... Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303, 0814.			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
03	Tổng điều tra kinh tế	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp dàn mẫu tổng thể phục vụ các cuộc điều tra chọn mẫu của ngành Thống kê và các ngành khác.	1. Đối tượng điều tra: Thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh. 2. Đơn vị điều tra: Các đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh, hiệp hội; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp/tổ chức phi chính phủ nước ngoài; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Thông tin chung các đơn vị điều tra: - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về tài sản của đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị điều tra: Kết quả sản xuất kinh doanh; sản phẩm sản xuất kinh doanh; chi phí sản xuất kinh doanh;… - Nhóm thông tin về năng lượng; ứng dụng công nghệ thông tin;… - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0301. 2. Đối với doanh nghiệp: - Số doanh nghiệp; số lao	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6 đối với các đơn vị điều tra là các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng); (các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể tiến hành vào ngày 01 tháng 10 các năm có số tận cùng là số 0 và 5)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu, lợi nhuận. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0304, 0305, 0306. - Thông tin thống kê về lĩnh vực vốn đầu tư, xây dựng, tài khoản quốc gia; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403, 0404, 0405, 0501, 0502, 0515, 0516, 0517. - Thông tin thống kê về lĩnh vực nông nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0801, 0802, 0805, 0809. - Thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0902, 0903, 0904. - Thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại dịch vụ, công nghệ thông tin và khoa học công nghệ; Thu thập chỉ tiêu thống kê			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					quốc gia mã số 1001, 1002, 1003, 1004, 1009, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321, 1405, 1703. 3. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; Nhóm thông tin về lao động; Nhóm thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Nhóm thông tin về nhóm sản phẩm và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Nhóm thông tin về năng lực vận tải, lưu trú, Nhóm thông tin về lĩnh vực thống kê chuyên ngành; Nhóm thông tin về năng lượng và ứng dụng công nghệ thông tin. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0902, 0903, 0904, 0908, 1001, 1002, 1003, 1004, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321.			
II. Các cuộc điều tra thống kê								

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
01: Điều tra thống kê về lĩnh vực dân số, lao động việc làm và mức sống dân cư								
04	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số và nhà ở, đánh giá các chương trình dân số và nhà ở quốc gia.	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Thu thập thông tin về quy mô, cơ cấu, phân bố và tỷ lệ tăng dân số; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107, 0108, 0109, 0111, 0113. - Tình hình sinh chết của dân số; - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi; - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106, 1604 và 1605. - Thu thập thông tin về nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407. - Dân số bị bạo lực; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia 1905.	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
05	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình	Thu thập các thông tin cơ bản về dân số và kế hoạch hóa gia đình làm cơ sở hoạch định chính sách, nghiên cứu biến động dân số và tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình.	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (không bao gồm: những người sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an nhưng điều tra cả các hộ quân đội và công an đang sống trong khu vực dân cư của xã/phường/thị trấn điều tra). 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về dân số: họ tên nhân khẩu thực tế thường trú, giới tính, tình hình di cư, tình hình đi học, tình trạng hôn nhân, phụ nữ, người chết của hộ dân cư…; - Thông tin liên quan đến sinh đẻ, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản của phụ nữ 15-49 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0103, 0104, 0105, 0107, 0108, 0111, 0113. - Thông tin về người chết của hộ: thông tin về số người chết, các nguyên nhân chết, tình hình tử vong mẹ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0106, 0109, 1604, 1605.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 7 (trừ năm tiến hành Tổng điều tra dân số và nhà ở và Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc.
06	Điều tra lao động và việc làm	Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.	Điều tra chọn mẫu	- Đối với thành viên hộ: họ tên, mối quan hệ với chủ hộ, giới tính, tuổi, dân tộc; - Thông tin của những người từ 05 tuổi trở lên;	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 01 đến ngày 07 hàng tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động; phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được quy định trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.	2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0201, 0202, 0203, 0204, 0206, 0207. - Tình trạng di cư, trình độ chuyên môn kỹ thuật; - Hoạt động kinh tế trong 7 ngày qua; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0205, 0208, 0209 và các chỉ tiêu lao động liên quan.			
07	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam	Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia, cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng và phục vụ tính toán Hệ thống tài khoản quốc gia.	1. Đối tượng điều tra: Các thành viên trong hộ dân cư; Một số thông tin cơ bản của xã (dân số, điện, đường, trường, trạm, chợ, nguồn nước, tình trạng kinh tế). 2. Đơn vị điều tra: - Hộ dân cư. - Các xã có hộ dân cư được khảo	Điều tra chọn mẫu	1. Đối với hộ: - Đặc trưng nhân khẩu học; - Giáo dục, tình trạng sức khỏe và sử dụng các dịch vụ y tế (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng là số 0, 2,4, 6, 8); - Việc làm; - Thu nhập; - Nhóm chỉ tiêu thống kê về công nghệ thông tin và truyền thông; Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1305, 1306, 1308, 1313, 1317, 1320.	Chu kỳ hàng năm (năm có tận cùng là số 1. 3, 5, 7, 9 điều tra 2 kỳ vào tháng 5, 9; năm có tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8 điều tra 4 kỳ vào tháng 3, 6, 9, 12).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			sát (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).		- Chi tiêu (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8); Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1802, 1803, 1804, 1805, 1810. - Tài sản; nhà ở; đồ dùng, điện, nước, công trình vệ sinh (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8); - Tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, tình hình tín dụng (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8); Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1808, 1809. 2. Đối với xã (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8): - Thông tin chung về dân số và dân tộc cư trú trên địa bàn xã điều tra; - Kết cấu hạ tầng: điện, đường, trường, trạm, chợ, nguồn nước; - Tình trạng kinh tế;			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Một số thông tin cơ bản về tình hình kinh tế xã hội; Thu thập thông tin: Tỷ lệ nhập học các cấp giáo dục phục vụ tính toán chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1801.			
02: Điều tra thống kê về lĩnh vực đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản								
08	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Đánh giá chính xác thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp; Làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý đất đai trong 5 năm qua và làm căn cứ đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất; Làm căn cứ cho việc lập, điều chỉnh quy	1. Đối tượng điều tra: Người sử dụng đất, người quản lý đất. 2. Đơn vị điều tra: Xã, phường, thị trấn.	Điều tra toàn bộ	- Thu thập số liệu về diện tích đất đai theo mục đích và đối tượng sử dụng; - Số liệu về đối tượng sử dụng đất trên địa bàn đơn vị hành chính; - Thu thập thông tin về tình hình hiện trạng sử dụng đất, nguyên nhân biến động đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101.	Chu kỳ 5 năm, ngày 31 tháng 12 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Cung cấp thông tin phục vụ cho việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc quản lý, sử dụng đất của từng địa phương theo quy định của Luật Đất đai.						
09	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô và cơ cấu lao động nông thôn, nông nghiệp; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất nông nghiệp; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia	1. Đối tượng điều tra: Lao động tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản và các điều kiện sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (đất đai, diện tích, vật nuôi, máy móc thiết bị,.... phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản), hệ thống hạ tầng nông	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thực trạng nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; năng lực sản xuất; tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, liên kết sản xuất nông lâm thủy sản; tác động của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 0).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		trong nông thôn, nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	thôn phục vụ sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn; 2. Đơn vị điều tra: Các hộ tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; trang trại; doanh nghiệp, hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản; các ủy ban nhân dân xã.		sản tới môi trường; thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ nữ; kết quả hoạt động tự sản, tự tiêu của các hộ gia đình,... trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; - Thực trạng nông thôn: thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; các hình thức hỗ trợ kinh tế nông thôn (hệ thống khuyến nông, lâm, ngư; tiếp cận thị trường;...); vệ sinh môi trường nông thôn; - Thông tin về cư dân nông thôn: khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tình hình sử dụng điện, nước sạch cư			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					dân nông thôn; khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu;.... Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303, 0814.			
10	Điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp	Thu thập thông tin về diện tích gieo trồng cây nông nghiệp làm cơ sở để đánh giá kết quả của hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	1. Đối tượng điều tra: Diện tích gieo trồng thực tế các loại cây nông nghiệp hàng năm và cây lâu năm. 2. Đơn vị điều tra: Thôn (ấp, bản), khu phố, tiểu khu (có tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm từ 30 ha trên một vụ hoặc cây lâu năm từ 30 ha trở lên), xã (phường, thị trấn) có trồng cây vụ đông, (hợp tác xã, hộ/trang trại, các tổ chức khác) có trồng cây nông nghiệp trong kỳ.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp hàng năm theo vụ/năm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0801. - Diện tích cây lâu năm hiện có tại thời điểm điều tra; diện tích cho sản phẩm các loại cây lâu năm hiện có đến thời điểm điều tra; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0802.	Chu kỳ hàng năm. Sau khi kết thúc gieo trồng mỗi vụ sản xuất.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
11	Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm	Thu thập thông tin tình hình trồng cây hàng năm làm cơ sở đánh giá kết quả hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	1. Đối tượng điều tra: Các loại cây hàng năm. 2. Đơn vị điều tra: Hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị sự nghiệp có gieo trồng và thu hoạch cây hàng năm.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch; sản lượng thu hoạch; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0803, 0804.	Chu kỳ hàng năm. Sau khi kết thúc thu hoạch theo từng vụ sản xuất trong năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm	Thu thập thông tin tình hình trồng cây lâu năm làm cơ sở đánh giá kết quả hoạt động trồng trọt theo từng vụ và cả năm.	1. Đối tượng điều tra: Các loại cây lâu năm. 2. Đơn vị điều tra: Hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị sự nghiệp thực tế trồng và thu hoạch sản phẩm cây lâu năm tại địa bàn điều tra.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Đối với hộ: diện tích hiện có, diện tích cho sản phẩm, diện tích trồng mới, sản lượng thu hoạch. - Đối với doanh nghiệp và các đơn vị điều tra khác: diện tích hiện có, diện tích cho sản phẩm, diện tích trồng mới, sản lượng thu hoạch, số cây phân tán cho sản phẩm và sản lượng cây phân tán cho sản phẩm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0803, 0804.	- Chu kỳ hàng năm; - Cây trọng điểm: điều tra sau khi đã cơ bản thu hoạch xong sản phẩm; Cây lâu năm còn lại: điều tra vào ngày 01 tháng 12 năm báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
13	Điều tra chăn nuôi	Thu thập thông tin về tình hình chăn nuôi làm cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động chăn nuôi.	1. Đối tượng điều tra: Các loại gia súc, gia cầm, động vật khác và các sản phẩm chăn nuôi. 2. Đơn vị điều tra: Thôn (ấp, bản, tổ dân phố), doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức chăn nuôi khác và hộ có chăn nuôi.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Số lượng, sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0805, 0806.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 4, ngày 01 tháng 7 và ngày 01 tháng 10.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Điều tra lâm nghiệp	Thu thập thông tin về kết quả sản xuất lâm nghiệp phục vụ tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp.	1. Đối tượng điều tra: Rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, cây giống lâm ngiệp, cây lâm nghiệp trồng phân tán. 2. Đơn vị điều tra: Thôn, ấp bản, tiểu khu có rừng; doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích rừng: Rừng trồng tập trung (diện tích rừng được trồng mới, chăm sóc) phân theo các loại hình rừng; Diện tích rừng tự nhiên (rừng khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ). Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0807. - Giống cây lâm nghiệp; - Cây lâm nghiệp trồng phân tán;	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 12.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			chức kinh tế; Ban quản lý rừng, tổ chức khác là các chủ rừng có hoạt động sản xuất lâm nghiệp, trang trại có rừng trồng, hộ thuộc thôn có rừng.		- Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0808.			
15	Điều tra kiểm kê rừng	Thu thập thông tin cơ bản về rừng như: Tổng diện tích, trữ lượng, cơ cấu các loại rừng, phục vụ quy hoạch, kế hoạch, quản lý, bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng trồng.	1. Đối tượng điều tra: Các loại rừng. 2. Đơn vị điều tra: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng.	Điều tra toàn bộ	- Tổng diện tích rừng; - Cơ cấu diện tích rừng được phân theo các loại hình rừng và nguồn vốn đầu tư; - Trữ lượng rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2101. - Tỷ lệ che phủ rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2102.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
16	Điều tra thủy sản	Thu thập thông tin: tình hình cơ bản về nuôi trồng và khai thác thủy sản; sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác; sản xuất giống thủy sản, dùng cho tính toán các chỉ tiêu thống kê chủ yếu của ngành thủy sản nhằm phục vụ yêu cầu đánh giá kết quả sản xuất hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản; lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định chính sách phát triển sản xuất thủy sản.	1. Đối tượng điều tra: Các loại sản phẩm thủy sản thu hoạch từ nuôi trồng và khai thác. 2. Đơn vị điều tra: Xã/phường/thị trấn, thôn (ấp, bản); doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ thực tế có nuôi trồng thủy sản và tàu thuyền khai thác thủy sản biển trong kỳ.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích nuôi trồng thủy sản chia theo loại mặt nước, loại thủy sản và phương thức nuôi trồng; số lồng, bè nuôi thủy sản; số hộ và thể tích nuôi trồng thủy sản bể, bồn; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0809. - Số lượng và công suất tàu thuyền khai thác thủy sản; - Số ngày hoạt động của tàu thuyền khai thác thủy sản biển; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0811. - Sản lượng thủy sản nuôi trồng, khai thác; - Số lượng con giống và số tiền bán giống thủy sản; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0810.	- Thời kỳ tháng, 6 tháng và 12 tháng; - Thời điểm: các ngày trong tháng; ngày 01 tháng 5 và ngày 01 tháng 11 hàng năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
03: Điều tra thống kê về cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp								
17	Điều tra doanh nghiệp hàng tháng	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp, kết quả hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, kết quả kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, dịch vụ khác và thông tin tình hình kinh doanh của ngành vận tải nhằm biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	1. Đối tượng điều tra: Thông tin định danh, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ; 2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp/hợp tác xã hạc toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã	Điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng tháng Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp: - Sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất; tiêu thụ, tồn kho, lao động; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0901, 0902, 0905, 0906. Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại và dịch vụ: - Tổng doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; doanh thu theo nhóm, ngành hàng Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001. - Tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1002, 1703.	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 05 đến ngày 12 hàng tháng. Chu kỳ hàng quý, từ ngày 05 đến ngày 12 tháng cuối quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, đại lý và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1201. - Số lượng hành khách vận chuyển, khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1202, 1203. 2. Điều tra hàng quý - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng về chủ đầu tư; kết quả vốn đầu tư thực hiện chia heo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố rực thuộc Trung ương. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402. - Nhóm chỉ tiêu về kết quả hoạt động xây dựng và một số dịch vụ khác: - Tổng doanh thu dịch vụ:			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					Kinh doanh bất động sản; hành chính hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế; hoạt động nghệ thuật vui chơi giải trí; dịch vụ khác; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1003, 1004, 1311, 1703. - Kết quả hoạt động tài chính của tổ chức tín dụng phục vụ tính tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo quý. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502. - Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ - Nước đối tác. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1009. Thu thập thông tin về xu hướng kinh doanh			
18	Điều tra doanh nghiệp hàng năm	Thu thập thông tin về doanh nghiệp/đơn vị cơ sở để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả hoạt	1. Đối tượng diều tra: Thông tin định danh, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Thông tin chung các đơn vị điều tra: - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 3 (trừ năm tiến hành Tổng điều	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, phục vụ cho việc quản lý, hoạch định chính sách, phát triển doanh nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ yêu cầu về thống kê doanh nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.	2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp/hợp tác xã hạc toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã		lao động; - Nhóm thông tin về nguồn vốn, tài sản, doanh thu, lợi nhuận của đơn vị điều tra; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0304, 0305, 0306. - Nhóm thông tin về năng lượng; ứng dụng công nghệ thông tin;… Thu thập thông tin thống kê quốc gia mã số 0908. - Nhóm thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị điều tra: Kết quả sản xuất kinh doanh; sản phẩm sản xuất kinh doanh; chi phí sản xuất kinh doanh;… - Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực vốn đầu tư, xây dựng, tài khoản quốc gia; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403, 0404, 0405, 0501, 0502, 0515, 0516, 0517. - Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực nông nghiệp;	tra kinh tế)		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0801, 0802, 0805, 0809. - Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0902, 0903, 0904. - Thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại dịch vụ, công nghệ thông tin và khoa học công nghệ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001, 1002, 1003, 1004, 1009, 1010, 1703, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321, 1405. - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế.			
19	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng tháng	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp, kết quả hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng	1. Đối tượng diều tra: Thông tin định danh, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở. 2. Đơn vị điều tra:	Điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng tháng Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp: - Sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất; tiêu thụ, tồn kho, lao động;	Chu kỳ hàng tháng, từ ngày 05 đến ngày 12 hàng tháng. Chu kỳ hàng quý, từ ngày	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		hóa, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, kết quả kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, dịch vụ khác và thông tin tình hình kinh doanh của ngành vận tải nhằm biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản.		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0901, 0902, 0905, 0906. Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại và dịch vụ: - Tổng doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; doanh thu theo nhóm, ngành hàng Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001. - Tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1002, 1703. - Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, đại lý và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1201. - Số lượng hành khách vận chuyển, khối lượng hàng	05 đến ngày 12 tháng cuối quý.		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					hóa vận chuyển và luân chuyển. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1202, 1203. 2. Điều tra hàng quý Thu thập thông tin thống kê về một số dịch vụ khác: - Tổng doanh thu dịch vụ: Kinh doanh bất động sản; hành chính hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế; hoạt động nghệ thuật vui chơi giải trí; dịch vụ khác; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1003, 1004, 1311, 1703. - Kết quả hoạt động tài chính của tổ chức tín dụng phục vụ tính tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo quý. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502. Thu thập thông tin về xu hướng kinh doanh.			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
20	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm	Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở, phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách; cập nhật cơ sở dữ liệu về cơ sở cá thể, tính toán các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	1. Đối tượng diều tra: Thông tin định danh, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; Nhóm thông tin về lao động; Nhóm thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Nhóm thông tin về nhóm sản phẩm và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Nhóm thông tin về năng lực vận tải, lưu trú. Nhóm thông tin về lĩnh vực thống kê chuyên ngành; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0902, 0903, 0904, 1001, 1002, 1003, 1004, 1703, 1201, 1202, 1203. Nhóm thông tin về năng lượng và ứng dụng công nghệ thông tin .0908, 0512, 0515, 0516, 0517, 1311, 1312, 1321.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 10 (trừ năm tiến hành Tổng điều tra kinh tế, năm có số tận cùng là số 0 và số 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
21	Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở hành chính, sự nghiệp, số lượng, trình độ của lực	1. Đối tượng điều tra: Thông tin về hoạt động của cơ sở. 2. Đơn vị điều tra:	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động;	Chu kỳ điều tra 5 năm (tiến hành vào các năm có số tận	Bộ Nội vụ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính,

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp; kết quả thu, chi của cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực.	- Cơ sở hành chính, bao gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở trực thuộc cơ quan hành chính có sử dụng con dấu và tài khoản riêng. Cụ thể gồm các đơn vị điều tra sau: + Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội ở các cấp từ Trung ương đến địa phương; + Các tổ chức chính trị - xã hội gồm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn TNCS HCM,		- Nhóm thông tin về kết quả thu, chi; - Nhóm thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin; - Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0302.	cùng là 1 và 6).		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			Hội liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh; + Các cơ sở trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức nói trên (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp, cơ sở kinh tế). - Các cơ sở hoạt động sự nghiệp.					
22	Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp	Thu thập chỉ tiêu phản ánh năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp.	1. Đối tượng điều tra: Thông tin về năng lực sản xuất sản phẩm công nghiệp. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp, cơ sở trong ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên toàn quốc.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra; - Thu thập thông tin về năng lực sản xuất của dây chuyền, máy móc, thiết bị để sản xuất một số sản phẩm công nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0907.	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 6 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Xây dựng, Sở Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
04: Điều tra thống kê về giá								
23	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Thu thập giá bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng để có số liệu phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng, nhằm cung cấp số liệu về tỷ lệ tăng giá cho Chính phủ, các bộ, các ngành sử dụng trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu chính sách, quản lý tài chính, tiền tệ. Làm cơ sở tính toán một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Giá các mặt hàng và dịch vụ đại diện cho tiêu dùng. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở kinh doanh (Sạp hàng, quầy hàng, điểm bán hàng chuyên bán lẻ); cơ sở kinh doanh dịch vụ; cơ quan; trường học; cơ sở khám chữa bệnh có địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các loại kinh tế.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1101, 1102, 1103. - Cung cấp, bổ sung thông tin tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hàng tháng (điều tra 3 kỳ một tháng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	
24	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	Để tính chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất; phục vụ công tác điều hành, quản lý, xây	1. Đối tượng điều tra: Giá các mặt hàng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đại diện dùng cho sản xuất nông	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá của người sản xuất khi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất;	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch nhập khẩu vật tư, nhiên liệu, phát triển công nghiệp phụ trợ, vùng nguyên liệu. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở sản xuất sản xuất kinnh doanh: (Các cửa hàng vật tư nông nghiệp, cửa hàng vật liệu xây dựng, Nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu).		(Bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến nhà sản xuất nhưng không bao gồm VAT); Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1104.			
25	Điều tra giá sản xuất hàng hóa	Để tính chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hàng công nghiệp hàng quý nhằm	1. Đối tượng điều tra: Giá các mặt hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đại diện; Các sản phẩm công	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá sản xuất hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (không bao gồm VAT); - Điều tra mức giá sản xuất	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất đảm bảo cung cầu trên thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến, công nghiệp điện, khí đốt và nước của người sản xuất trực tiếp bán ra thị trường. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; nông trường, lâm trường; trạm trại; hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; hộ dân cư trực tiếp sản xuất và trực tiếp bán ra các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Nhà máy, xí nghiệp, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp.		hàng công nghiệp (không bao gồm VAT); Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
26	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	Để tính chỉ số giá sản xuất dịch vụ nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển ngành sản xuất dịch vụ đảm bảo cung cầu trên thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Giá các sản phẩm dịch vụ đại diện. 2. Đơn vị điều tra: Đơn vị, cơ sở trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm dịch vụ.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá cước đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không và dịch vụ kho bãi, bốc xếp, bưu chính và chuyển phát (không bao gồm VAT); - Điều tra mức giá dịch vụ thông tin, truyền thông, khoa học công nghệ, hành chính; Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.
27	Điều tra giá xây dựng	Thu thập số liệu để tính chỉ số giá xây dựng phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế hoạch phát triển ngành	1. Đối tượng điều tra: Giá các mặt hàng và dịch vụ đại diện cho công việc xây dựng. 2. Đơn vị điều tra: Các Tổng công ty xây dựng, công ty xây dựng, các	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá các vật liệu xây dựng, nhân công, máy móc thiết bị xây dựng và giá dịch vụ xây dựng chuyên dụng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		xây dựng. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh	chủ đầu tư và ban quản lý dự án, các công ty tư vấn thực hiện quản lý, tư vấn các công trình xây dựng và các đại lý bán vật liệu xây dựng và cho thuê dịch vụ xây dựng.					
28	Điều tra giá bất động sản	Để tính chỉ số giá bất động sản phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, dự báo xu hướng thị trường bất động sản, trên cơ sở đó đề ra các cơ chế, chính sách để xây dựng, phát triển lành mạnh thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Giá các loại bất động sản là nhà ở, đất nền, văn phòng cho thuê đại diện trên thị trường; Các loại dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản. 2. Đơn vị điều tra: Các công ty kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản; các sàn giao dịch	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá nhà ở, đất nền, văn phòng cho thuê trên thị trường; - Điều tra mức giá dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1106.	Chu kỳ hàng tháng, báo cáo hàng quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng; Hiệp hội bất động sản; Các bộ, ngành liên quan.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			bất động sản; các cơ quan quản lý, theo dõi giao dịch thị trường bất động sản.					
29	Điều tra giá tiền lương	Để tính chỉ số giá tiền lương giúp các cơ quan chức năng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nghiên cứu và xây dựng chính sách tiền lương phù hợp. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Tiền lương theo ngành nghề, công việc. 2. Đơn vị điều tra: Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Thông tin về mức tiền lương. Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1107. .	Chu kỳ điều tra hàng năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
30	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu	Để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của cả nước sử dụng để giảm phát các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia; phục vụ phân tích vĩ mô, phân tích hiệu quả hoạt	1. Đối tượng điều tra: Giá các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu đại diện. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp kinh doanh xuất	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá xuất khẩu (giá FOB); - Điều tra mức giá nhập khẩu (giá CIF); Thu thập phục vụ tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1108, 1109.	Chu kỳ hàng quý (điều tra 3 kỳ một quý)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan); Bộ Công Thương (Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại).

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		động xuất khẩu, nhập khẩu và các mục đích sử dụng khác. Dùng để tính các chỉ tiêu kinh tế thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	khẩu, nhập khẩu hàng hóa.					
05: Điều tra thống kê về vốn đầu tư, xây dựng và tài khoản quốc gia								
31	Điều tra vốn đầu tư thực hiện		1. Đối tượng điều tra: Thông tin về vốn đầu tư thực hiện. 2. Đơn vị điều tra: - Đơn vị điều tra hàng quý: Trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh; Hộ dân cư có đầu tư trong kỳ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng sửa chữa nhà ở.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng quý - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng về chủ đầu tư; Nhóm chỉ tiêu kết quả vốn đầu tư thực hiện chia theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401 và 0402. 2. Điều tra hàng năm - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng	Chu kỳ hàng quý, hàng năm (quý: Từ ngày 01 đến ngày 12 tháng cuối quý báo cáo; năm: Từ ngày 01/4 đến ngày 30/4 hàng năm)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính; Các bộ, ngành trung ương; Sở tài chính; Các sở, ngành địa phương

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			- Đơn vị điều tra hàng năm: Trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh; Hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh trong kỳ điều tra; Đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục và đào tạo, ngành y tế và trợ giúp xã hội có thực hiện đầu tư; Xã/phường/thị trấn quản lý xây dựng các dự án, công trình xã hội hóa; Sở Tài chính; Đơn vị phụ trách công tác thống kê, tài chính của bộ, ngành Trung ương.		về chủ đầu tư; Nhóm chỉ tiêu kết quả vốn đầu tư thực hiện chia theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Nhóm chỉ tiêu về công trình hoàn thành và năng lực mới tăng của nền kinh tế; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403 và 0404.			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
32	Điều tra hoạt động xây dựng		1. Đối tượng điều tra: Thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ngành xây dựng. 2. Đơn vị điều tra - Đơn vị điều tra hàng quý: UBND xã/phường/thị trấn có đầu tư xây dựng; các công trình xây dựng do dân đóng góp và tự đầu tư xây dựng; hộ dân cư có đầu tư xây dựng. - Đơn vị điều tra hàng năm: UBND xã/phường/thị trấn có đầu tư xây dựng; các công trình xây dựng do dân đóng góp và tự đầu tư xây dựng; hộ dân cư có đầu tư xây dựng.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng quý - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra; Nhóm chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Nhóm chỉ tiêu về công trình xây dựng thực hiện trong kỳ; Nhóm chỉ tiêu nhận định về tình hình sản xuất kinh doanh; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502. 2. Điều tra hàng năm - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra; Nhóm chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Nhóm chỉ tiêu về công trình xây dựng thực hiện trong kỳ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502. - Nhóm chỉ tiêu về nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0404 và 0405.	Chu kỳ hàng quý, hàng năm (quý: Từ ngày ngày 01 đến ngày 12 tháng cuối quý báo cáo; năm: Từ ngày 01/4 đến ngày 30/4 hàng năm)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
33	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	Lập bảng cân đối liên ngành (I/O) làm cơ sở đánh giá kết quả sản xuất chi tiết theo ngành sản phẩm và đánh giá sự thay đổi cơ cấu chi phí sản xuất, tích luỹ, tiêu dùng, xuất nhập khẩu và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác; làm cơ sở tính toán các hệ số cơ bản phục vụ biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia.	1. Đối tượng điều tra: Thông tin định danh, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí sản xuất kinh doanh của các tổ chức; thông tin tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư; thông tin về giá trị thuế xuất, nhập khẩu; giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và thuế xuất, nhập khẩu hàng hóa; giá trị thu thuế, phí và lệ phí và chi ngân sách nhà nước; dư nợ tín dụng, dư nợ cho vay và số dư huy động vốn; giá trị sản xuất của các sản phẩm theo ngành sản phẩm IO được chọn.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Đối với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước: Thông tin về thu chi ngân sách, thuế sản xuất, trợ cấp sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa dịch vụ; thông tin về dư nợ tín dụng, huy động vốn theo ngành kinh tế, tín dụng phục vụ nhu cầu đời sống và tín dụng qua thẻ tín dụng. - Đối với doanh nghiệp: Thông tin về loại hình, ngành hoạt động SXKD, ngành sản phẩm chính, doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định, thu nhập, thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang… - Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: Thông tin về loại hình, ngành sản phẩm chính; các hoạt động thu của đơn vị, các hoạt động chi thường xuyên, tổng giá trị khấu hao/hao mòn tài sản cố	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6 đối với các đơn vị điều tra là Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và hiệp hội; tổ chức vô vị lợi phục vụ gia đình; đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản; hộ dân cư tiến hành vào các	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2. Đơn vị điều tra là: - Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước. - Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (viết gọn là cơ quan hành chính) và đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị dự toán cấp II, cấp III hoặc cấp IV); đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hiệp hội. - Doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, hợp tác xã hạch toán kinh tế độc lập (viết gọn là doanh nghiệp) được thành lập và hoạt động		định, chi phí cho người lao động, chi trả lãi tiền vay ngân hàng (nếu có), các khoản nộp ngân sách nhà nước, tổng chi phúc lợi xã hội trong năm. - Đối với đơn vị hiệp hội, cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng và các cơ sở vô vị lợi khác: Thông tin về loại hình hoạt động, ngành nghề hoạt động, ngành sản phẩm chính của cơ sở; lao động, thu hoạt động và chi hoạt động thường xuyên của cơ sở trong năm. - Đối với cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Thông tin về loại hình, ngành nghề hoạt động; lao động, doanh thu từ sản phẩm, chi phí cho sản xuất sản phẩm, thu nhập, thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang. Thu thập chỉ tiêu thống kê	năm có số tận cùng là số 0 và số 5).		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các Luật chuyên ngành đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và hiện đang hoạt động sản xuất kinh doanh. - Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản. - Hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản. - Tổ chức vô vị lợi phục vụ hộ gia đình. - Hộ dân cư tiêu dùng cuối cùng.		quốc gia mã số 0501, 0502 và 0505. - Đối với hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và dịch vụ: Thông tin về tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0506.			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
34	Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi		1. Đối tượng điều tra: Thông tin về lao động, tài sản cố định, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp, tổ chức vô vị lợi. 2. Đơn vị điều tra: Các đơn vị sự nghiệp (hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; giáo dục và đào tạo; nghệ thuật vui chơi và giải trí) và tổ chức vô vị lợi.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin định danh của đơn vị bao gồm: tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có), điện thoại, email, thông tin về người đứng đầu; loại hình tổ chức của đơn vị. - Thông tin về lao động của đơn vị. - Thông tin về tài sản của đơn vị. - Thông tin về kết quả hoạt động (doanh thu, chi phí) của đơn vị. Thu thập thông tin phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502.	Chu kỳ 5 năm, (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 3 và số 8).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
06: Điều tra thống kê về lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông								
35	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Thu thập thông tin về nguồn nhân lực, hạ tầng cơ sở, tài chính, thông tin và các tiềm lực khoa học công nghệ khác phục vụ phân tích thông tin quy hoạch và xây dựng chiến lược, chính sách, phục vụ quản lý điều hành hoạt động khoa học công nghệ.	1. Đối tượng điều tra: Thông tin về đơn vị điều tra, thông tin về nhân lực, thông tin về hoạt động, thông tin về chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. 2. Đơn vị điều tra: Các tổ chức khoa học và công nghệ (gồm các tổ chức nghiên cứu và phát triển, cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ).	Điều tra toàn bộ	Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm: - Hạ tầng cơ sở; Thông tin; Vật lực; Tài chính; Tiềm lực khác; Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1401. - Nhân lực; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1402.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 9 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 4 và 9).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
36	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Thu thập thông tin về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ đánh giá, xây dựng	1. Đối tượng điều tra: Thông tin về đơn vị điều tra, thông tin về nhân lực, thông tin về	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về đơn vị cơ sở; - Nhóm thông tin về nhân lực nghiên cứu khoa học và	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		chính sách chiến lược khoa học và công nghệ.	nguồn lực tài chính, thông tin về cơ sở hạ tầng. 2. Đơn vị điều tra: - Các tổ chức khoa học và công nghệ: Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Cơ sở giáo dục đại học bao gồm (Đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng); Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ. - Các cơ quan hành chính và quản lý nhà nước về KH&CN, các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.		phát triển công nghệ; Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1403, 1404. - Nhóm thông tin về chi phí cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1406.	có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8).		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			- Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam và các Hội nghề nghiệp khác. - Các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.					
37	Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông	Kiểm tra tình hình thực hiện, điều chỉnh, hoàn thiện chính sách phát triển thông tin và truyền thông.	1. Đối tượng điều tra: Dịch vụ thông tin và truyền thông (gồm bưu chính, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản, công nghệ thông tin. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp bưu chính; Doanh nghiệp viễn	Điều tra chọn mẫu	- Cập nhật tình hình năng lực hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông của các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp (gồm doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, các đài phát thanh, truyền hình, các cơ quan báo chí, các nhà xuất bản, các cơ sở in); Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1301, 1302, 1303, 1304, 1307, 1310,	Chu kỳ hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			thông; Doanh nghiệp công nghệ thông tin; Nhà xuất bản, doanh nghiệp in, doanh nghiệp phát hành; Cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình.		1316.			
38	Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông	Xác định mức độ sử dụng các dịch vụ thông tin và truyền thông trong các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân góp phần đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chiến lược mục tiêu phát triển của ngành và quốc gia.	1. Đối tượng điều tra: Dịch vụ thông tin và truyền thông (bưu chính, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản,...); Dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến; 2. Đơn vị điều tra: - Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, huyện, xã; - Các hộ dân cư, thành viên hộ dân cư ở các thôn, tổ dân phố.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Cập nhật hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông (bưu chính, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản,...) trong dân cư; cập nhật hiện trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, huyện, xã; Thu thập thông tin thống kê, tính toán chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1304, 1307, 1316, 1318, 1319.	Chu kỳ 5 năm đối với điều tra toàn bộ (tiến hành vào năm có số tận cùng là số 0, 5); hàng năm điều tra chọn mẫu.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Văn phòng Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
39	Điều tra thống kê thương mại điện tử	Thu thập thông tin mức độ, trình độ và hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp.	1. Đối tượng điều tra: Thông tin về mức độ ứng dụng thương mại điện tử. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp trên toàn quốc	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Thông tin về mức độ sẵn sàng ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; - Trình độ ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; - Hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1309.	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 6 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Các cục Thống kê, Các Sở Công Thương, Bộ Tài chính.
07: Điều tra thống kê về lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch và xã hội								
40	Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập	Thống kê số lượng cơ sở, số giường bệnh, số nhân lực y tế, trang thiết bị máy móc kỹ thuật trong lĩnh vực y tế ngoài công lập.	1. Đối tượng điều tra: Thông tin chung của cơ sở, thông tin về hoạt động của cơ sở. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở y tế ngoài công lập.	Điều tra toàn bộ	- Thông tin chung về đơn vị cơ sở; - Thông tin về lao động; - Thông tin về tài sản; - Thông tin về hoạt động của cơ sở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1601, 1602, 1610.	Chu kỳ hàng năm	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
41	Điều tra dinh dưỡng	Cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tình hình dinh dưỡng sức khỏe bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi.	1. Đối tượng điều tra: Trẻ em dưới 5 tuổi; Bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ từ 15 -49 tuổi. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đối tượng điều tra; - Tình trạng dinh dưỡng; - Phòng chống suy dinh dưỡng của trẻ em; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1607.	Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 6.	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
42	Điều tra cơ sở giáo dục ngoài công lập	Thu thập các chỉ tiêu về số trường, lớp, học sinh, sinh viên, giáo viên và giảng viên.	1. Đối tượng điều tra: Thông tin chung của cơ sở, thông tin về hoạt động sản xuất của cơ sở. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở giáo dục ngoài công lập.	Điều tra toàn bộ	- Thông tin chung về đơn vị cơ sở; - Thông tin về lao động; - Thông tin về tài sản; - Thông tin về hoạt động của cơ sở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1501, 1502, 1503, 1504, 1505.	Chu kỳ hàng năm	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
43	Điều tra hộ gia đình thu thập thông tin về du lịch	Thu thập thông tin liên quan đến du lịch của người Việt Nam nhằm biên soạn một số chỉ tiêu thống kê quốc gia; yêu cầu quản lý, hoạch định chính sách và đáp ứng nhu cầu của người dùng tin khác.	1. Đối tượng điều tra: Các thành viên trong hộ gia đình. 2. Đơn vị điều tra: Hộ gia đình.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về hộ và cá nhân trong hộ gia đình; giáo dục, nghề nghiệp; - Thông tin du lịch nội địa và ra nước ngoài của người Việt Nam; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1009, 1709.	Chu kỳ hàng năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
44	Điều tra chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	Thu thập thông tin về chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chi tiêu của khách, là cơ sở để suy rộng một số chỉ tiêu chủ yếu về du lịch, xuất khẩu dịch vụ du lịch, đáp ứng yêu cầu thống kê SNA và các yêu cầu khác của người dùng tin.	1. Đối tượng điều tra: Chi tiêu của khách quốc tế đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú. 2. Đơn vị điều tra: Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú.	Điều tra chọn mẫu	- Tổng mức và một số khoản chi tiêu của khách quốc tế như: chi đi lại; chi ăn uống; chi lưu trú; chi tham quan; chi cho các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí; chi cho y tế bảo vệ sức khỏe, chi mua hàng hóa; - Một số nhận xét đánh giá của khách quốc tế đối với cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của các cơ sở lưu trú tại Việt Nam; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1009, 1707, 1708.	Chu kỳ 2 năm, theo mùa du lịch (tiến hành vào các năm có số tận cùng là số 1, 3, 5, 7, 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
45	Điều tra người khuyết tật	Thu thập thông tin chi tiết về khuyết tật phục vụ hoạch định chính sách bảo đảm quyền lợi cho người khuyết tật.	1. Đối tượng điều tra: Người khuyết tật. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư; Các cơ sở nuôi dưỡng người khuyết tật	Điều tra chọn mẫu	- Tỷ lệ người khuyết tật chia theo loại tật, nguyên nhân khuyết tật; - Xác định nhu cầu về chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng; - Nhu cầu về giáo dục việc làm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0110.	Chu kỳ 5 năm (các năm có số tận cùng là số 4, 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.